

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-4-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Diệu;
2. Ông Triệu Ngọc Vạn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1985; trú tại: Thôn X, xã Q, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Vũ Duy H, sinh năm 1979; trú tại: Thôn X, xã Q, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Đình Kh; trú tại: Thôn X, xã Q, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị T trình bày: Chị và anh Vũ Duy H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q, huyện Gi tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/2008. Sau khi kết hôn, hai người sống cùng gia đình anh H tại xã Q, huyện Gi; cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn ngay sau khi kết hôn, nguyên

nhân là do quan điểm sống bất đồng, anh H không có sự chia sẻ, cảm thông với chị. Năm 2015 anh H đi xuất khẩu lao động tại Trung Quốc đến năm 2018 thì về nước song mâu thuẫn giữa hai người vẫn không được cải thiện; năm 2020 chị đi lao động tại Đài Loan mặc dù anh H và gia đình anh H không đồng ý; tháng 10 năm 2021 chị về nước và về ở cùng bố mẹ đẻ của chị tại thôn X, xã Q. Kể từ năm 2020 chị đi lao động tại Đài Loan đến nay chị và anh H không quan tâm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con là Vũ Duy D, sinh ngày 21/8/2009 và Vũ Duy D1, sinh ngày 19/8/2012, hiện đang ở cùng anh H. Chị đề nghị, sau khi ly hôn Tòa án giao con Vũ Duy D1 cho chị nuôi dưỡng, giao con Vũ Duy D cho anh H nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con. Hiện chị lao động tự do, đang xin việc gần nhà, được gia đình hỗ trợ về chỗ ở và chăm sóc con nên có đủ điều kiện nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Vũ Duy H trình bày: Quá trình kết hôn, thời gian chung sống, con chung đúng như chị T trình bày, còn nguyên nhân mâu thuẫn anh xác định là trong cuộc sống có những lúc vợ chồng hiểu lầm nên có cãi nhau. Năm 2020 chị T tự ý đi lao động tại Đài Loan trong khi anh và gia đình không đồng ý; tháng 10 năm 2021 chị T về nước song lại về nhà bố mẹ sống, anh có sang tìm nhưng chị không về. Kể từ khi chị T tự ý đi lao động tại Đài Loan đến nay anh chị không quan tâm gì đến nhau. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn, anh không nhất trí, lý do anh đưa ra là vì các con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của bố mẹ.

Về con chung: Nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, anh yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con hàng tháng, mức cấp dưỡng là 1000.000đ (một triệu đồng)/con/tháng, thời gian đến khi con trưởng thành; hiện anh làm nghề tự do, thu nhập bình quân hàng tháng từ 8-10 triệu đồng và ở cùng bố mẹ đẻ, được bố mẹ hỗ trợ trong việc chăm sóc con.

Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai, ông Phạm Đình Kh là bố đẻ của chị T trình bày: Về việc kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung đúng như chị T trình bày. Ông xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, ông đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị T theo quy định của pháp luật và nếu chị T được nuôi con thì gia đình ông sẽ hỗ trợ chị về chỗ ở, trông nom, chăm sóc con.

Tại biên bản xác minh, chính quyền địa phương xã Q cung cấp: Địa phương xã xác định hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp, quá trình chung sống hai

người đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hai người sống ly thân đã lâu, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị T theo quy định của pháp luật và xem xét quyết định việc giao con cho các bên nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo điều kiện phát triển tốt cho các con.

Tại phiên Tòa: Chị T vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh H, chị đề nghị Tòa án giao con Vũ Duy D1 cho chị nuôi dưỡng và giao con Vũ Duy D cho anh H nuôi dưỡng, chị không yêu cầu việc cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Vũ Duy H; giao con Vũ Duy D1 cho chị T nuôi dưỡng, giao con Vũ Duy D cho anh H nuôi dưỡng, không buộc bên nào phải cấp dưỡng cho con; chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh H đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; chị T đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai song bị đơn - anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Chị Phạm Thị T và anh Vũ Duy H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Q, huyện Gi nơi sinh sống của anh chị tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

[3] Do vợ chồng mâu thuẫn, chị T tự ý đi lao động tại Đài Loan từ năm 2020 đến tháng 10 năm 2021 mới về nước và không về ở cùng anh H, hai người sống ly

thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn, anh H không nhất trí. HĐXX thấy rằng, tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..Như vậy, việc anh chị không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ năm 2020 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con là Vũ Duy D, sinh ngày 21/8/2009 và Vũ Duy D1, sinh ngày 19/8/2012, anh H đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh H có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con hàng tháng, với số tiền là 1000.000đ/con/tháng, còn chị T xin được nuôi 01 con Vũ Duy D1, chị không yêu cầu việc cấp dưỡng cho con. HĐXX thấy rằng, hiện anh H, chị T đều làm lao động tự do, có thu nhập, đều ở cùng bố mẹ đẻ của mình và được gia đình hỗ trợ trong việc chăm sóc con. Như vậy, cả anh H và chị T đều có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; mặt khác, cháu Vũ Duy D có nguyện vọng được ở với bố, cháu Vũ Duy D1 có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX giao con Vũ Duy D1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Vũ Duy D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết, nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về...án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Vũ Duy H.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Vũ Duy D1, sinh ngày 19/8/2012; giao cho anh Vũ Duy

H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Vũ Duy D, sinh ngày 21/8/2009 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị Phạm Thị T, anh Vũ Duy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000085 ngày 15 tháng 02 năm 2022.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Duy H, chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực H theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSN huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Q, H.Gi;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Quốc Quân